

BÀI 7: BÀI TẬP VỀ SỰ CHUYỂN HÓA NĂNG LƯỢNG TRONG DAO ĐỘNG ĐIỀU HÒA

Thời lượng: 2 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức Sau bài học này, HS sẽ:

- Vận dụng được các phương trình về: li độ và vận tốc của dao động điều hòa.
- Vận dụng được phương trình $a = -\omega^2 x$ của dao động điều hòa.
- Sử dụng đồ thị, phân tích và thực hiện phép tính cần thiết để mô tả được sự chuyển hóa giữa động năng và thế năng trong dao động điều hòa.

2. Năng lực

Năng lực chung:

- **Năng lực tự học:** Chủ động tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập thông qua việc tham gia đóng góp ý tưởng, đặt câu hỏi và trả lời các yêu cầu.
- **Giao tiếp hợp tác:** Thảo luận để vận dụng được các phương trình li độ, vận tốc, gia tốc của dao động điều hòa và mô tả được sự chuyển hóa giữa động năng và thế năng trong dao động điều hòa.
- **Năng lực giải quyết vấn đề:** Xác định được và biết tìm hiểu các thông tin liên quan đến li độ, vận tốc, gia tốc của dao động điều hòa, mô tả được sự chuyển hóa giữa động năng và thế năng trong dao động điều hòa và đề xuất giải pháp giải quyết.

Năng lực vật lí:

- Vận dụng được kiến thức để làm bài tập và giải thích được một số vấn đề trong thực tế.

c. Năng lực số

3.2.NC1a

Tại nhà: Dùng AI tạo dàn ý hoặc 3 câu tự luyện về Bài tập về sự chuyển hóa năng lượng trong dao động điều hoà; tự giải, phát hiện ít nhất 1 điểm cần sửa và hoàn thiện sản phẩm.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. Đối với giáo viên:

- SGK, SGV, Giáo án.
- Bản photo các bài trong ví dụ mục I SGK để phát cho từng HS.
- Máy chiếu, máy tính (nếu có).
- Học liệu/công cụ số cụ thể: GeoGebra Graphing Calculator:

<https://www.geogebra.org/graphing>

2. Đối với học sinh:

- Vở ghi bài tập, các hình vẽ liên quan đến nội dung bài học và các dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

GV: Hồ Thị Thủy

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Trên cơ sở các kiến thức đã học, GV nêu câu hỏi để HS thấy được mối liên hệ giữa cơ năng và các đại lượng li độ, vận tốc trong dao động điều hòa.

b. Nội dung: GV cho HS thảo luận về mối liên hệ giữa định luật bảo toàn cơ năng với các đại lượng như li độ, vận tốc trong dao động điều hòa.

c. Sản phẩm học tập: HS trả lời được những câu hỏi mà GV đưa ra để thảo luận và những lưu ý khi giải bài tập.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV kiểm tra bài cũ: yêu cầu HS viết lại biểu thức định luật bảo toàn cơ năng trong dao động điều hòa.

- GV đặt câu hỏi để HS thảo luận: *Ta có thể sử dụng định luật bảo toàn cơ năng để tìm li độ và vận tốc của vật dao động điều hòa được không?*

- GV gợi ý HS liên hệ giữa định luật bảo toàn cơ năng với các đại lượng như li độ vận tốc trong dao động điều hòa để trả lời câu hỏi này.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận và đưa ra câu trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 1 – 2 bạn ngẫu nhiên đứng dậy trình bày suy nghĩ của mình.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV tiếp nhận câu trả lời dẫn dắt HS vào bài: Để trả lời câu hỏi này chúng ta vào bài học ngày hôm nay: **Bài 7: Bài tập về sự chuyển hóa năng lượng trong dao động điều hòa.**

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động. Hướng dẫn giải một số bài toán cụ thể

a. Mục tiêu: Giúp HS vận dụng được kiến thức đã học để giải một số bài toán đơn giản.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS giải một số bài toán ở các ví dụ trong SGK.

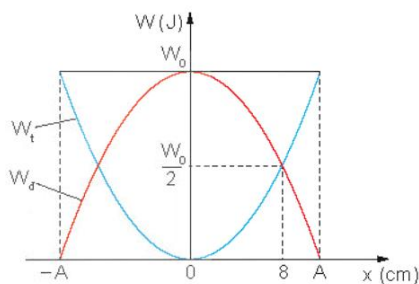
c. Sản phẩm học tập: HS giải được các bài toán ví dụ.

d. Tổ chức hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	NLS
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV phát phiếu học tập có in đề bài các câu hỏi ví dụ và yêu cầu HS không phụ thuộc vào lời giải trong SGK. - HS chú ý nghe GV hướng dẫn. Ví dụ 1 (SGK – tr28): <i>Một con lắc đơn gồm vật nặng có kích thước nhỏ, có khối lượng m, treo ở đầu một sợi dây mềm không dẫn có độ dài l và có khối</i>	- GV trình bày cách giải các câu hỏi ví dụ: Ví dụ 1 (SGK – tr28): a) Chọn mốc để tính thế năng của vật là vị trí cân bằng O thì: - Thế năng và động năng của vật tại các vị trí A và B là: $W_d = 0$	3.2.NC1a Tại nhà: dùng AI tạo dàn ý hoặc 3 câu tự luyện về Bài tập về sự chuyển hóa năng lượng trong dao động

lượng không đáng kể (Hình 7.1). Đưa vật nặng ra khỏi vị trí cân bằng O sao cho dây treo hợp với QO một góc α_0 ($\alpha_0 \leq 10^0$) rồi thả nhẹ con lắc dao động điều hòa trên cung tròn $\widehat{AOB}$. a) Tính thế năng và động năng của vật ở các vị trí A, O, B và vị trí bất kì (li độ góc α). b) Ở vị trí nào động năng bằng thế năng? (GV nên sử dụng các hình vẽ đã chuẩn bị để phân tích và diễn tả các hiện tượng làm tăng tính trực quan của bài toán). Ví dụ 2 (SGK – tr29): Một vật có khối lượng $m = 200g$ dao động điều hòa với tần số góc $\omega = 2\pi \text{ rad/s}$, biên độ $A = 10 \text{ cm}$, Xác định thế năng của con lắc tại thời điểm vật có tốc độ $v = 10 \text{ cm/s}$. (GV nên sử dụng các hình vẽ đã chuẩn bị để phân tích và diễn tả các hiện tượng làm tăng tính trực quan của bài toán).	$W_t = W_{tmax} = mgl(1 - \cos\alpha_0)$ $= mgl(\sin^2 \frac{\alpha_0}{2})$ $\approx mgl \frac{\alpha_0^2}{2}$ - Thế năng và động năng của vật tại vị trí O là: $W_t = 0$. $W_d = W_{tmax} = mgl(1 - \cos\alpha_0)$ $\approx mgl \frac{\alpha_0^2}{2}$ - Thế năng và động năng của vật tại vị trí bất kì là: $W_t = mgl(1 - \cos\alpha)$ $\approx mgl \frac{\alpha^2}{2}$ $W_d = W_{tmax} - W_t$ $\approx mgl \left(\frac{\alpha_0^2}{2} - \frac{\alpha^2}{2} \right)$ b) Khi $W_d = W_t$, áp dụng định luật bảo toàn cơ năng: $W = W_{tmax} = W_d + W_t = 2W_t$ $mgl \frac{\alpha_0^2}{2} = 2mgl \frac{\alpha^2}{2}$ $\Rightarrow \alpha = \pm \frac{\alpha_0}{\sqrt{2}}$ Vậy, ở các vị trí có li độ góc $\alpha = \pm \frac{\alpha_0}{\sqrt{2}}$ thì động năng bằng thế năng. Ví dụ 2 (SGK – tr29): Ta đã biết trong dao động điều hòa cơ năng được bảo toàn: $W = W_d + W_t.$ Suy ra thế năng: $W_t = W - W_d$ $= \frac{m\omega^2 A^2}{2} - \frac{mv^2}{2}$ $= \frac{m}{2} (\omega^2 A^2 - v^2)$ $= \frac{0,2}{2} \cdot (2^2 \cdot \pi^2 \cdot 0,1^2 - 0,1^2)$	điều hoà; tự giải, phát hiện ít nhất 1 điểm cần sửa và hoàn thiện sản phẩm.
--	--	--

Ví dụ 3 (SGK – tr29): Một con lắc lò xo có độ cứng $k = 100 \text{ N/m}$ dao động điều hòa. Gọi W_t , W_d lần lượt là thế năng của lò xo và động năng của vật, W_0 là cơ năng của con lắc lò xo. Đồ thị biểu diễn sự phụ thuộc của thế năng W_t và động năng W_d của con lắc vào li độ x như Hình 7.2. Tính W_0 .



Hình 7.2

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nhận tài liệu từ GV, đọc đề bài và chăm chú nghe giảng.
- HS ghi chép ý chính vào vở.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời HS nhắc lại và nhận xét về cách trình bày.
- GV tóm tắt lại các bước làm

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, tổng kết và chuyển sang nội dung luyện tập.

$\approx 0,038 \text{ J}$.

Ví dụ 3 (SGK – tr29):

Từ đồ thị, ta xác định được:

Khi $x = \pm 8 \text{ (cm)} = \pm 0,08 \text{ m}$ thì $W_d = W_t$.

Mặt khác, vì $W_0 = W_d + W_t$ nên khi $W_d = W_t$ ta có:

$$W_0 = 2W_t = 2 \cdot \frac{1}{2} kx^2 = 0,64 \text{ J}.$$

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS củng cố lại kiến thức thông qua hệ thống câu hỏi luyện tập.

b. Nội dung: GV trình chiếu câu hỏi, HS suy nghĩ trả lời.

c. Sản phẩm học tập: HS đưa ra được các đáp án đúng.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV trình chiếu lần lượt các câu hỏi luyện tập:

Câu 1 (SGK – tr29): Hình 7.3 mô tả một máy đo địa chấn đơn giản hoạt động theo nguyên tắc sau đây: Khi xảy ra động đất thì hệ gồm lò xo và vật nặng của máy đo sẽ dao

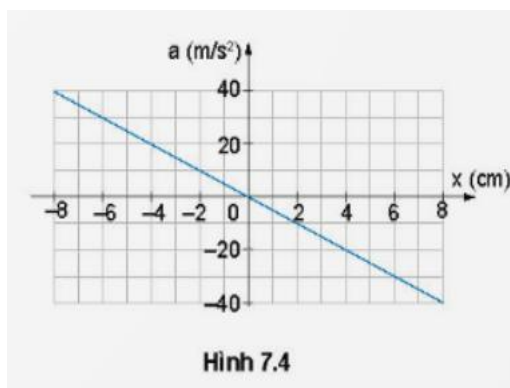
động theo tần số của đĩa chấn. Bút dạ gắn với vận nặng sẽ ghi lại đồ thị của đĩa chấn trên cuộn giấy quay đều. Biết sóng đĩa chấn có tần số nằm trong khoảng từ 30 Hz đến 40 Hz.



Hình 7.3

Hãy giải thích tại sao tần số dao động riêng của hệ (vật nặng + lò xo) trong máy đĩa chấn phải có giá trị nhỏ hơn tần số này rất nhiều.

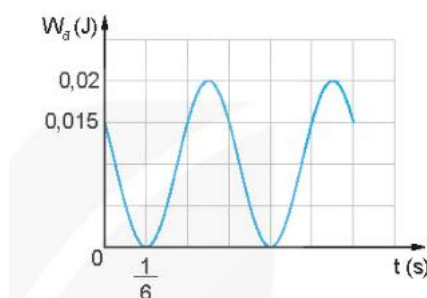
Câu 2 (SGK – tr30): Đồ thị Hình 7.4 mô tả mối liên hệ giữa gia tốc và li độ của một vật dao động điều hòa.



Hình 7.4

Sử dụng số liệu trong đồ thị Hình 7.4 để tính tần số của dao động.

Câu 3 (SGK – tr30): Hình 7.5 là đồ thị của động năng theo thời gian của một vật khối lượng 0,4 kg dao động điều hòa. Tại thời điểm ban đầu vật đang chuyển động theo chiều dương, lấy $\pi^2 = 10$. Viết phương trình dao động của vật.



Hình 7.5

Câu 4 (SGK – tr30): Một vật có khối lượng m dao động điều hòa với tần số góc ω và biên độ A .

- Khi vật có li độ bằng một nửa biên độ thì động năng và thế năng chiếm bao nhiêu phần trăm so với cơ năng?
- Tại li độ nào thì thế năng bằng động năng?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tiếp nhận câu hỏi, nhớ lại kiến thức đã học, tìm đáp án đúng.

Bước 3: HS báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 4 bạn lên bảng trình bày lời giải cho 4 câu hỏi. Các HS còn lại theo dõi, tự làm bài vào vở và nhận xét bài làm của các bạn trên bảng.

- HS lần lượt đưa ra đáp án cho các bài tập:

Câu 1 (SGK – tr29):

Tần số riêng của hệ (vật nặng + lò xo) trong máy địa chấn phải có giá trị hơn tần số của sóng địa chấn rất nhiều để tránh xảy ra cộng hưởng, làm hỏng máy.

Câu 2 (SGK – tr30):

Theo đồ thị, ta có:

Gia tốc cực đại: $a_{max} = A\omega^2 = 40 \text{ m/s}^2$

Biên độ dao động: $A = 8 \text{ cm} = 0,08 \text{ m}$

Tần số góc: $\omega = \sqrt{\frac{a_{max}}{A}} = \sqrt{\frac{40}{0,08}} = 10\sqrt{5} \text{ rad/s}$

Tần số: $f = \frac{\omega}{2\pi} = \frac{5\sqrt{5}}{\pi} \text{ Hz}$.

Câu 3 (SGK – tr30):

Từ đồ thị, xác định được: khi $t = 0$ thì $W_d = \frac{3W}{4} \rightarrow W_t = \frac{1}{4}W \rightarrow x = \pm \frac{A}{2}$.

Mặt khác, từ $t = 0$ đến $t = \frac{T}{6}$, W_d giảm từ 0,015J đến 0, do vậy pha ban đầu $\varphi = -\frac{\pi}{3} \text{ (rad)}$.

Vậy $\frac{T}{6} = \frac{1}{6} \text{ s} \Rightarrow \omega = 2\pi \text{ (rad/s)}$.

Từ công thức $W_{dmax} = \frac{1}{2}m\omega^2 A^2 = 0,02 \Rightarrow A = 0,05 \text{ m} = 5 \text{ cm}$.

Suy ra phương trình dao động của vật: $x = 5\cos(2\pi t - \frac{\pi}{3}) \text{ (cm)}$.

Câu 4 (SGK – tr30):

a) Khi $x = \frac{A}{2} \Rightarrow W_t = \frac{1}{2}m\omega^2 \frac{A^2}{4} = 4$.

Vậy có 25% năng lượng là thế năng và 75% năng lượng là động năng.

b) Tại li độ $x = \pm \frac{A\sqrt{2}}{2}$ thì thế năng bằng động năng.

Bước 4:

- GV đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập.

- GV nhận xét, đánh giá và chuyển sang nội dung vận dụng.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải một số bài tập vận dụng liên quan.

b. Nội dung: GV chiếu câu hỏi, yêu cầu HS suy nghĩ trả lời.

c. Sản phẩm học tập: HS vận dụng kiến thức để xác định các đại lượng vận tốc, gia tốc, năng lượng, động năng, thế năng trong dao động điều hòa.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chiếu câu hỏi bài tập:

Câu 1: Một vật có khối lượng 750 g dao động điều hòa với biên độ 4 cm và chu kỳ $T = 2s$. Tính năng lượng của dao động.

Câu 2: Một vật dao động điều hòa dọc theo trục Ox nằm ngang, gốc O và mốc thế năng ở vị trí cân bằng. Cứ sau 0,5 s thì động năng lại bằng thế năng và trong thời gian 0,5 s vật đi được đoạn đường dài nhất bằng $4\sqrt{2}$ cm. Chọn $t = 0$ là lúc vật qua vị trí cân bằng theo chiều dương. Viết phương trình dao động của vật.

Câu 3: Dựa vào định luật bảo toàn cơ năng, tính:

- a) Vận tốc của vật nặng trong con lắc lò xo khi đi qua vị trí cân bằng theo biên độ A .
- b) Vận tốc của con lắc đơn khi đi qua vị trí cân bằng theo biên độ góc α_0 .

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tiếp nhận câu hỏi, nhớ lại kiến thức đã học, tìm đáp án đúng.

Bước 3: HS báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS lần lượt đưa ra đáp án cho các bài tập:

Câu 1:

Áp dụng công thức tính năng lượng dao động điều hòa: $W = \frac{1}{2}m\omega^2 A^2$

Chu kỳ dao động: $T = 2s$ nên $\omega = \pi$ rad/s.

Năng lượng dao động: $W = \frac{1}{2}m\omega^2 A^2 = 6$ mJ.

Câu 2:

Thời gian ngắn nhất để động năng bằng thế năng là: $0,5 = \frac{T}{4} \Rightarrow T = 2s \Rightarrow \omega = \pi$ rad/s.

Quãng đường lớn nhất vật đi được là:

$$S_{\max} = 2A \sin \frac{\Delta\varphi}{2} \Rightarrow 4\sqrt{2} = 2A \sin \left(\frac{\pi}{2} \right) \Rightarrow A = 4 \text{ cm.}$$

Suy ra, phương trình dao động của vật là: $x = 4 \cos(\pi t - \frac{\pi}{2})$ (cm).

Câu 3:

a) Áp dụng định luật bảo toàn cơ năng cho con lắc lò xo, ta được: $W_{\max} = W$

$$\Leftrightarrow W = \frac{1}{2}mv_{\max}^2 = \frac{1}{2}k.A^2 \Rightarrow v_{\max} = A \cdot \sqrt{\frac{k}{m}} = A \cdot \omega$$

$v_{\max}$ là vận tốc vật nặng khi qua vị trí cân bằng theo chiều dương, đó cũng là vận tốc cực đại.

b) Áp dụng định luật bảo toàn cơ năng cho con lắc đơn, ta được: $W_{\max} = W$

$$\Leftrightarrow W = \frac{1}{2}mv_{\max}^2 = mgl(1 - \cos\alpha_0) \Rightarrow v_{\max} = \sqrt{2gl(1 - \cos\alpha_0)}$$

Vậy vận tốc của con lắc đơn đi qua vị trí cân bằng theo biên độ góc α_0 là:

$$v_{\max} = \pm \sqrt{2gl(1 - \cos\alpha_0)}$$

Bước 4:

- GV đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập.
- GV nhận xét, đánh giá và kết thúc tiết học.

HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

GV: Hồ Thị Thủy

- Xem lại kiến thức đã học ở bài 7.
- Hoàn thành các bài tập trong Sách bài tập Vật lí 11.
- Xem trước nội dung *Bài 8. Mô tả sóng*.